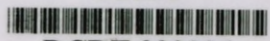


THƯ VIỆN TỈNH BẮC NINH

307.7620959727

Đ250T



DCDT.000006

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
VIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

CAO VĂN HÀ
(CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI)

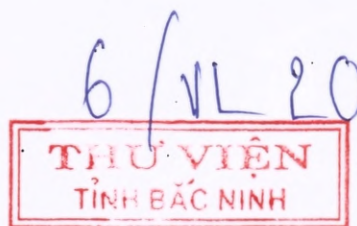
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
BẢO TỒN KHÔNG GIAN LÀNG TRONG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM
BẮC NINH

Bắc Ninh, năm 2018

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“BẢO TỒN KHÔNG GIAN LÀNG TRONG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM
TỈNH BẮC NINH (GIAI ĐOẠN 2017-2030)”

BÁO CÁO
NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VỀ BẢO TỒN
KHÔNG GIAN LÀNG



Bắc Ninh, tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“BẢO TỒN KHÔNG GIAN LÀNG TRONG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM
TỈNH BẮC NINH (GIAI ĐOẠN 2017 - 2030)”

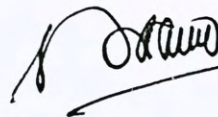
BÁO CÁO
NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VỀ BẢO TỒN
KHÔNG GIAN LÀNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Ths. Cao Văn Hà

Cơ quan chủ trì đề tài
VIỆN QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC
BẮC NINH
VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Xuân Thủy

THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CHÍNH



Kts. Lê Hải Sơn

Bắc Ninh, tháng 10/2017

định hướng và nâng cao ý thức bảo tồn cho người dân địa phương, chọn lọc để bảo tồn và phát huy tối đa các giá trị văn hóa địa phương nổi bật của làng.

Giống với Hàn Quốc, Trung Quốc được biết đến như một quốc gia có số lượng các làng truyền thống đồ sộ. Tại Trung Quốc, chính phủ đã thành lập riêng một trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển làng truyền thống. Năm 2014, trung tâm này đã xuất bản ấn phẩm “Bản hướng dẫn hồ sơ lưu trữ và khảo sát các làng truyền thống ở Trung Quốc” là kết quả nghiên cứu của dự án bảo tồn các làng truyền thống ở Trung Quốc. Qua khảo sát qui mô lớn, dự án đã lựa chọn được 1.561 làng thuộc danh mục làng truyền thống Trung Quốc. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các làng đều không có hồ sơ lưu trữ các thông tin về các giá trị truyền thống của làng một cách hệ thống từ cấp địa phương đến trung ương. Từ đó, nhóm nghiên cứu của dự án đã tiến hành thu thập các thông tin cần thiết để xây dựng lại các bộ hồ sơ lưu trữ một cách hệ thống hơn cũng như đề xuất một số nội dung quan trọng cần bảo tồn như hình thái làng, văn hóa dân tộc và các đặc điểm văn hóa địa lý, các làng nghề, nhà ở, các giá trị nghệ thuật và khoa học v.v...

Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi 17 tổ chức khoa học từ liên minh Châu Âu và Trung Quốc với đề tài “Các làng ở Trung Quốc và tương lai phát triển bền vững: Nghiên cứu dự án SUCCESS của Liên minh Châu Âu và Trung Quốc” cũng đã phân tích và bàn luận khá sâu về nội dung cũng như phương pháp bảo tồn các làng truyền thống ở Trung Quốc. Kết quả quan trọng nhất được rút ra từ dự án là đã phát hiện được chiến lược bảo tồn hiệu quả trên cơ sở phát huy tối đa sự tham gia của người dân địa phương. Tức là, ở các giai đoạn triển khai của dự án như từ khâu thiết kế mô hình làng truyền thống đến khâu xây dựng các chính sách bảo tồn, khai thác và phát triển tiềm năng của làng v.v... đều được tham khảo ý kiến góp ý và ý tưởng sáng tạo từ người dân địa phương.

Không chỉ khu vực Châu Á, nhiều quốc gia tại Châu Âu cũng luôn chú trọng đến việc bảo tồn làng truyền thống. Nghiên cứu của Joern Fischer (2012) về “Chính sách bảo tồn cảnh quan nông nghiệp truyền thống” ở khu vực Châu Âu đã tổng hợp và phân tích các chính sách liên quan đến bảo tồn cảnh quan nông nghiệp trong các làng truyền thống ở Châu Âu. Từ đó, bài viết đã chỉ rõ ưu, nhược điểm của các phương pháp bảo tồn. Thứ nhất là phương pháp hỗ trợ tài chính để người dân địa phương bảo tồn nguyên vẹn các giá trị truyền thống như phương thức canh tác, cảnh quan thiên

nhiên, kiến trúc nhà ở v.v... Ưu điểm của phương pháp này là có thể bảo tồn làng truyền thống hiệu quả trong một thời gian ngắn nhưng nhược điểm là tính bền vững không cao. Người dân sẽ nhanh chóng bất hợp tác vì họ không nhận thấy lợi ích của cá nhân từ việc bảo tồn này. Phương pháp thứ hai đã được áp dụng khá hiệu quả là hỗ trợ các kĩ thuật canh tác tiên tiến và thị trường tiêu thụ nông sản song song với cam kết bảo tồn một số giá trị truyền thống tiêu biểu được chọn lọc, gìn giữ các nét kiến trúc cổ song song với việc tiếp thu có chọn lọc các ý kiến góp ý của người dân.

Như vậy, điểm chung của các nghiên cứu trên thế giới đều là tập trung tìm hiểu các nội dung cũng như phương pháp bảo tồn làng truyền thống nhằm hướng tới gìn giữ và phát huy các nét đẹp văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này đều mới chỉ dừng phạm vi nghiên cứu ở khu vực nông thôn mà chưa đề cập đến các không gian làng trong lòng các khu đô thị, vốn đang là một hiện thực khá phổ biến tại Việt Nam nói chung và khu vực nghiên cứu của Đề tài nói riêng.

2. Các nghiên cứu trong nước

Phản ánh sát thực hơn thực trạng làng trong đô thị, các nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả người Việt Nam nêu trên đã phân tích và bàn luận đến nhiều khía cạnh đa dạng của vấn đề bảo tồn làng truyền thống trong đó có các khu vực cận đô thị. Ví dụ như, Hoàng Đình Tuấn (1999) đã đề cập đến khía cạnh bảo tồn kiến trúc của các làng ngoại thành Hà Nội, Lê Thị Minh Lý (2003) lại chú trọng đến bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể của làng, hay Nguyễn Quốc Hùng (2007) bàn cụ thể hơn đến một số biện pháp bảo tồn giá trị di sản của làng truyền thống ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Phún Khánh Linh (2015) lại tập trung nghiên cứu về các giải pháp bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống v.v...

Như đã đề cập trong phần lý do chọn đề tài, hạn chế chung của phần lớn các nghiên cứu này là mới chỉ tập trung tìm hiểu các phương án bảo tồn mà chưa đề cập nhiều đến các khía cạnh khác như thực trạng các làng cần bảo tồn, nội dung cần bảo tồn v.v... Các phương án bảo tồn đối với các nội dung như không gian, cảnh quan, kiến trúc hình thái làng còn ít được đề cập đến... Đặc biệt, các nghiên cứu học thuật về bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị còn khá hạn chế. Chủ đề bảo tồn làng trong đô thị mới chỉ được bàn luận nhiều dưới dạng các bài chia sẻ ý kiến, quan điểm trên các trang báo điện tử. Mặt khác, phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tiếp cận được vấn đề ở

một góc độ nào đó như kinh tế, kiến trúc xây dựng, văn hóa học, xã hội học v.v... nên tính thuyết phục và tính ứng dụng vào thực tiễn chưa cao.

Về phía tỉnh Bắc Ninh, cho đến nay, các công trình nghiên cứu hay tài liệu liên quan bàn về vấn đề bảo tồn không gian làng trong đô thị cũng ở tình trạng như vậy. Đồ án quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 và được lập bởi Liên danh tư vấn Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd (Nhật Bản) cùng Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh có thể được coi là một bức tranh qui hoạch khá tổng hợp và đầy đủ về mô hình phát triển của đô thị Bắc Ninh trong tương lai, trong đó có đề cập đến việc bảo tồn các làng trong đô thị. Tuy nhiên, ý tưởng bảo tồn không gian làng cùng với vấn đề quy hoạch tạo ra nét khác biệt của đô thị Bắc Ninh so với các đô thị khác chính là do chủ nhiệm đề tài nghiên cứu “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh” đưa ra và phát triển trong quá trình lập đồ án quy hoạch. Tác giả Cao Văn Hà, chủ nhiệm của đề tài nghiên cứu này cũng chính là tác giả của nhiều bài báo liên quan đến chủ đề bảo tồn không gian làng được đăng trên tạp chí Người Xây dựng Bắc Ninh như “Đô thị thông minh” (số 2/2014), “Đô thị dòng thời gian” (số 1/2015), “Quy hoạch Bắc Ninh hướng tới đô thị sinh thái” (số 2/2015), “Quy hoạch tạo nên nét khác biệt trong đô thị” (Báo Xây dựng-6/2016), v.v...

Như vậy, có thể thấy mặc dù quá trình đô thị hóa tại Việt Nam đã bắt đầu từ mốc son đổi mới đất nước năm 1986 nhưng vấn đề bảo tồn các không gian làng truyền thống thì mới chỉ được bàn đến nhiều trong khoảng gần 10 năm trở lại đây và nhiều hơn, kể từ khi tốc độ đô thị hóa của cả nước bắt đầu có xu hướng tăng mạnh vào năm 2014¹. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, chủ đề bảo tồn làng truyền thống nói chung và chủ đề bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị nói riêng vẫn chưa được đề cập nhiều trong các nghiên cứu học thuật. Đáng chú ý là ở tỉnh Bắc Ninh, một trong những tỉnh có tốc độ đô thị hóa khá nhanh kể từ sau khi tái lập tỉnh năm 1997² và cũng là một trong những chiếc nôi tiêu biểu của văn hóa Đồng bằng Bắc Bộ, vấn đề bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm lại chưa được bàn đến nhiều và quan tâm đúng mức.

¹ Theo nghiên cứu của Hoàng Bá Thịnh và Đoàn Thị Thanh Huyền (2015), tỷ lệ đô thị hóa của cả nước năm 2014 đã tăng 3,5% so với năm 2009.

² Mục tiêu của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (nhiệm kỳ 2015-2020), tỉnh Bắc Ninh phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào những năm hai mươi của thế kỷ và có tỷ lệ đô thị hóa đạt 40-45%.

II. THAO TÁC HÓA KHÁI NIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thao tác hóa khái niệm

1.1. Khái niệm “không gian làng trong đô thị”

Trước tiên, cần xác định rõ thế nào là không gian làng và không gian làng trong đô thị? Nhiều nghiên cứu về làng Việt như Phan Đại Doãn (2010), Mai Văn Hai (2013) v.v... đã khẳng định rằng làng Việt không chỉ là khu vực cư trú đơn thuần của các hộ gia đình tiểu nông mà còn là một tổ chức sản xuất, tổ chức quân sự, tổ chức xã hội hay chính là một cộng đồng đa chức năng và mang đậm bản sắc văn hóa của làng. Các làng Việt Bắc Bộ thường được đặc trưng bởi tính cộng đồng trong sinh hoạt, tự trị trong chính trị, tự túc về kinh tế, tự tái sản xuất về mặt dân cư và khép kín về lãnh thổ và quan hệ với bên ngoài (Popkin, 1979; Nguyễn Hồng Phong, 1978; Trần Đình Hượu, 1996). Nhấn mạnh đặc điểm khép kín của làng, Scott (1976) cũng đưa ra định nghĩa làng như một đoàn thể đảm bảo an ninh sinh kế và phúc lợi tập thể cho cư dân của làng khi họ đối mặt với khó khăn. Ngoài những đặc trưng chung kể trên, mỗi làng Việt còn có những bản sắc riêng về cảnh quan, kiến trúc, phong tục, tập quán, văn hóa, nghệ thuật, quan hệ xã hội v.v... Bởi vậy, ngoài những đặc trưng chung là tính cộng đồng và tính khép kín, làng truyền thống Bắc Ninh còn mang những bản sắc văn hóa rất riêng của xứ Kinh Bắc xưa. Đó là làng của những mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, làng của hàng trăm thứ nghề thủ công, làng của truyền thống hiếu học khoa bảng, làng của cái nôi văn hóa, văn nghệ dân gian, làng của xứ sở đình, chùa, lễ hội v.v...

Tổng hợp những quan điểm nêu trên có thể hiểu “không gian làng” là một phạm trù phức hợp có ranh giới xác định bao gồm “không gian cư trú”, “không gian sinh hoạt” và “không gian văn hóa”. Từ đó, có thể hiểu “không gian làng trong lòng đô thị” là một không gian địa lý xác định tồn tại trong phân vùng đô thị bao gồm những đặc trưng riêng về cảnh quan, lối sống, văn hóa v.v... không giống với đô thị nhưng chịu ảnh hưởng ít nhiều từ đô thị. Do đó, không gian làng không chỉ là không gian bên trong phạm vi đường giao giới bao quanh làng mà còn bao gồm cả không gian xung quanh liền kề mà cư dân làng hằng ngày sinh hoạt ở đó.

1.2. Khái niệm “Bảo tồn không gian làng”

Có khá nhiều quan điểm khác nhau về bảo tồn các giá trị truyền thống nói chung và các giá trị đặc trưng cụ thể như di sản văn hóa, cảnh quan kiến trúc, phong tục tập quán v.v... nói riêng. Nếu như kiến trúc sư nổi tiếng người Pháp Viollet Le Duc

cho rằng việc phục hồi các tòa nhà, các công trình kiến trúc cổ nên có sự thay đổi và sáng tạo, đặc biệt là nội thất các công trình này thì John Ruskin và William Morris lại phản đối quan điểm này và nhấn mạnh rằng bảo tồn là khôi phục như vốn có, không nên cố tái tạo cái đã từng ở đó và không nên che dấu sự sửa chữa cần thiết. Hai nhà phê bình nghệ thuật nổi tiếng này từng để lại câu nói bất hủ: “Giả vờ và mô phỏng là không thể chấp nhận được” (Tham khảo Peter Howard, 2003, tr. 206-208).

Bên cạnh đó, thể hiện quan điểm khách quan và toàn diện hơn về bảo tồn, G. J. Ashworth, giáo sư nổi tiếng của trường đại học Groningen, Hà Lan đã đưa ra 3 mô hình lý thuyết về bảo tồn: Bảo tồn nguyên trạng, Bảo tồn kế thừa và Bảo tồn phát triển. Nội dung cốt lõi của 3 mô hình này có thể được hiểu như sau. Bảo tồn nguyên trạng hướng đến bảo tồn tính nguyên gốc của các vật thể, bảo tồn kế thừa là khôi phục vật thể nào đó gần đạt như nguyên gốc và bảo tồn phát triển là vừa giữ lại phần nào nét nguyên gốc vừa sáng tạo, cải tiến cho phù hợp với xu hướng thời đại. Từ quan điểm này có thể dễ dàng nhận thấy trên thực tế tồn tại nhiều phương pháp bảo tồn như bảo tồn nguyên gốc, bảo tồn gắn với nguyên gốc, bảo tồn có kế thừa, bảo tồn phát triển và biến đổi hoàn toàn hoặc xóa bỏ. Các di sản vật thể và phi vật thể vốn rất phong phú và đa dạng. Do vậy, khó có thể áp dụng một mô hình bảo tồn cho tất cả các di sản. Ví dụ, trong một không gian làng, có những di sản cần bảo tồn nguyên gốc, có những di sản chỉ có thể bảo tồn gắn với nguyên gốc, có những di sản phải bảo tồn phát triển... Đồng thời, cần có một quan niệm khác về hướng bảo tồn, đó là, với một di sản phi vật thể có thể có nhiều phương án bảo tồn khác nhau và đồng thời được áp dụng. Ví dụ, đối với nghệ thuật truyền thống chẳng hạn, một mặt bảo tồn nguyên trạng những gì còn lại, đồng thời mặt khác có thể phát triển, thay đổi ở những mức độ sáng tạo khác nhau. Quan điểm này cho rằng một di sản với càng nhiều hình thái tồn tại khác nhau càng có sức sống trong xã hội đương đại. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, khi thay đổi, phát triển di sản thì song hành với nó, nhiệm vụ lưu giữ nguyên gốc vẫn phải được đặt ra (Tham khảo Bùi Quang Thắng và cộng sự, 2012, tr. 51-55).

Như vậy, đề tài này cũng ủng hộ quan điểm về bảo tồn của G. J. Ashworth. Cần áp dụng cả 3 mô hình lý thuyết về bảo tồn nêu trên ở những hoàn cảnh và đối với từng di sản cụ thể. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần phân biệt “Bảo tồn không gian làng” với “Bảo tồn di dân”, “Bảo tồn cái làng”. Nếu “Bảo tồn cái làng” thì giống như bảo tồn di sản. Thực tế là, trong không gian làng, có các di sản thì được bảo tồn di sản, còn

các thứ khác thì không bảo tồn theo cách bảo tồn di sản. Nói một cách khác, bảo tồn không gian làng không đơn thuần chỉ là giữ gìn nguyên vẹn các di sản và không gian để ở hay chính là thể xác của cái làng mà còn là giữ gìn cả tâm hồn của nó, các đặc trưng tích cực về lối sống, văn hóa, tinh thần nhằm tạo nên sự khác biệt nhất định với đô thị. Mặt khác, cần hiểu một cách toàn diện hơn về bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị là một nhiệm vụ tổng hợp bao gồm giữ gìn đi đôi với phát huy, bảo tồn không gian làng song song với phát triển đô thị. “Làng Việt” theo nhiều quan điểm truyền thống nêu trên là một không gian khép kín. Nhưng “Làng” được đặt trong “lòng đô thị” chắc chắn phải có nhiều yếu tố mở thì mới bắt kịp được với xu hướng phát triển hiện đại của đô thị. Do vậy, tỉnh Bắc Ninh đã xác định rõ nhiệm vụ chiến lược đẩy mạnh phát triển hạ tầng đô thị, kiến trúc, cảnh quan, kinh tế và nếp sống đô thị, tinh hiện đại và văn minh đô thị kết hợp hài hòa với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, cảnh quan, kiến trúc của các làng truyền thống.

Nói một cách khái quát, đề tài này xác định rõ “Bảo tồn không gian làng” trước hết là bảo tồn phạm vi địa chính để phát triển không gian làng sao cho không xóa nhòa ranh giới giữa làng và phố. Sau đó, là bảo tồn các đặc trưng riêng của làng sao cho không bị xóa nhòa hay biến mất bởi các đặc trưng của đô thị. Các đặc trưng riêng của làng ở đây bao gồm hình thái, cảnh quan, kiến trúc, lối sống, giá trị văn hóa v.v... Mặt khác, quan điểm bảo tồn không gian làng trong đô thị của nhóm tác giả là bảo tồn song hành với phát triển, gìn giữ nét riêng của từng không gian nhưng vẫn kết hợp hài hòa giữa đặc trưng làng và đặc trưng đô thị nhằm tạo nên nét độc đáo, khác lạ của đô thị Bắc Ninh với các đô thị khác trong tương lai.

2. Quan điểm về bảo tồn không gian làng trong đô thị

Từ khái niệm trên, bảo tồn không gian làng được nghiên cứu và thực hiện trên quan điểm như sau:

Bảo tồn không gian làng được nghiên cứu và thực hiện trong bối cảnh đô thị hóa đang ở tốc độ và quy mô chưa từng có, do đó cần được tiến hành khẩn trương và với các quy chế bắt buộc, bên cạnh sự tuyên truyền vận động mọi người dân tham gia với một tinh thần yêu quê hương, đất nước, yêu thương và trân trọng vốn có và văn hóa truyền thống.

Bảo tồn đi đôi với phát huy, phát triển để nó phù hợp với yêu cầu của đô thị phát triển. Bảo tồn để phát triển và phát triển để bảo tồn là mối quan hệ hữu cơ.

Bảo tồn cần phát huy sáng tạo nhằm đạt được yêu cầu của bảo tồn mà phát huy được giá trị của làng trong đô thị.

Bảo tồn không gian làng trong đô thị trung tâm Bắc Ninh là yếu tố then chốt làm nên nét khác biệt của đô thị Bắc Ninh so với các đô thị khác trong tương lai phát triển đô thị hiện đại.

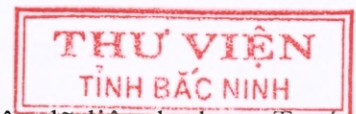
3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cách tiếp cận

Như đã đề cập ở trên, ý tưởng về bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh đã được thai nghén trong quá trình lập nhiệm vụ Quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 và được lập bởi Liên danh tư vấn Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd (Nhật Bản) cùng Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh. Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu này đã luôn đặt ra câu hỏi rằng “Trục tư tưởng xuyên suốt Đồ án quy hoạch Bắc Ninh là gì?”, “Phải quy hoạch thế nào để tạo nên sự khác biệt của đô thị Bắc Ninh so với các đô thị khác?”. Những câu hỏi này đã được tác giả đặt ra và đưa vào đồ án quy hoạch. Tuy vậy, đồ án quy hoạch mới chỉ đề cập danh mục và sơ bộ về ranh giới cần bảo tồn, chưa đi sâu luận giải sự cần thiết cùng với nội hàm bảo tồn là những gì. Do đó, phát triển ý tưởng này, chủ nhiệm đề tài quyết định thực hiện đề tài Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh và nhóm nghiên cứu đã xác định rõ các không gian làng cùng các giá trị văn hóa truyền thống của nó chính là điểm tạo nên sự khác biệt độc đáo của đô thị Bắc Ninh so với các đô thị khác trong tương lai.

3.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

3.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu



Nghiên cứu này đã sử dụng nhiều phương pháp thu thập dữ liệu đa dạng. Trước hết là phương pháp tổng hợp các nguồn tài liệu có sẵn như đồ án quy hoạch hay các tài liệu về địa lý hành chính của tỉnh Bắc Ninh, các sách, báo chuyên ngành, các sách, báo điện tử v.v... Không chỉ khai thác các nguồn tài liệu tiếng Việt, đề tài còn tham khảo các nghiên cứu được viết bằng tiếng Anh nhằm tìm hiểu về kinh nghiệm bảo tồn làng truyền thống trên thế giới.

Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bao gồm phương pháp quan sát có tham dự, khảo sát bằng bảng hỏi (Phụ lục 1). Nhóm nghiên



**Để xem toàn tài liệu, xin vui lòng liên hệ
Phòng Phục vụ tài liệu địa chỉ
Thư viện tỉnh Bắc Ninh.**

SỐ 01 LÝ THÁI TỎ, PHƯỜNG SUỐI HOA, tp. BẮC NINH

